



EUROCAPITAL

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

Mục lục

I. Thông tin chung:	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro:	9
II. Tình hình hoạt động trong năm	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	12
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc:	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tình hình tài chính	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	18
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	18
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	19
V. Quản trị Công ty.	19
1. Hội đồng quản trị	19
2. Ban Kiểm soát	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	22
VI. Báo cáo tài chính	23
1. Ý kiến kiểm toán	23
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	23

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /2025/BC-ECC

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO Thường niên năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0102636115 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2024
- Vốn điều lệ : 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 307.171.854.956 đồng (Ba trăm linh bảy tỷ, một trăm bảy mươi một triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng)
- Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại : 0243 218 1895
- Số fax : 0243 218 1896
- Website : <https://www.ecsc.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có) : Không có
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Năm 2008

- 25/01/2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 80/UBCK-GP. Vốn điều lệ của Công ty khi được cấp Giấy phép là 150,000,000,000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).
- 25/01/2008: Được UBCKNN cấp giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán theo giấy phép số 12/UBCK-GCN.
- 15/05/2008: Được Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công nhận là thành viên giao dịch theo Quyết định số 172/QĐ-TTGDHN.
- 05/06/2008: Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh công nhận là thành viên giao dịch theo Quyết định số 80/QĐ-SGDCKHCM.

2: B
CỘ
CỔ
LƯN
URO
KIẾ

Năm 2009

- 05/11/2009: Thay đổi người đại diện theo pháp luật. Ông Nguyễn Cảnh Sơn - chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy phép số 274/UBCK-GP do UBCKNN cấp.

Năm 2010

- 18/03/2010: Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động theo Quyết định số 185/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp.

Năm 2011

- 08/06/2011: Đóng cửa chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 419/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp.
- 30/05/2011: Chính thức đưa phần mềm giao dịch mới đi vào hoạt động nhằm mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cho khách hàng và nâng cao hiệu quả quản lý.

Năm 2013

- 03/01/2013: Thay đổi người đại diện theo pháp luật. Bà Ngô Thị Hồng Ánh - chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy phép số 02/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- 15/05/2013: Thay đổi trụ sở Công ty: từ 57 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội sang phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội theo giấy phép số 19/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- 07/08/2013: Thay đổi người đại diện theo pháp luật. Ông Nguyễn Quang Anh – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật theo giấy phép số 34/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

Năm 2015

- 04/02/2015: Bỏ nhiệm ông Nguyễn Quang Anh là Tổng Giám đốc.
- 18/11/2015: Công văn số 12809/VSD-LK của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ngưng cung cấp dịch vụ bù trừ và thanh toán giao dịch của Công ty từ ngày 09/12/2015.
- 11/12/2015: Quyết định số 834/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc quyết định chấm dứt tư cách thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu và thị trường đăng ký giao dịch của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 16/12/2015: Quyết định số 569/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh về việc quyết định chấm dứt tư cách thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu và thị trường đăng ký giao dịch của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- 06/11/2015: Thay đổi người đại diện pháp luật. Ông Nguyễn Thế Nhiên – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy phép số 51/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- 18/12/2015: Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Quang Anh và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Nhiên là Tổng Giám đốc.

Năm 2016

- 08/01/2016: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 05/QĐ-VSD.
- 22/01/2016: UBCKNN chấp thuận thay đổi trụ sở chính vào TP.Hồ Chí Minh theo giấy phép số 02/GPĐC-UBCK.

Năm 2017

- 20/09/2017: Thay đổi người đại diện pháp luật. Ông Mai Thanh Trúc – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- 26/12/2017: Thay đổi người đại diện pháp luật. Bà Hà Thị Trang – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo giấy phép số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

Năm 2018

- 16/04/2018: UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK về việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).
- 19/12/2018: UBCKNN chấp thuận thay đổi trụ sở chính Công ty theo giấy phép số 106/GPĐC-UBCK. Địa chỉ trụ sở chính mới: Tầng 5, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Năm 2019

- 07/01/2019: Thay đổi mẫu dấu Công ty do đổi địa điểm.
- 19/03/2019: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 159/GCNTVLK cho Công ty.
- 25/06/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành quyết định chấp thuận đối với Công ty chi tiết như sau:
 - Quyết định số 406/QĐ-SGDCKHN ngày 25/06/2019 về việc chấp thuận thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch.
 - Quyết định số 407/QĐ-SGDCKHN ngày 25/06/2019 về việc chấp thuận kết nối giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch.
- 13/08/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định chấp thuận đối với Công ty chi tiết như sau:
 - Quyết định số 312/QĐ-SGDHCM ngày 13/08/2019 về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
 - Quyết định số 313/QĐ-SGDHCM ngày 13/08/2019 về việc chấp thuận thành viên giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- 23/08/2019: UBCKNN ban hành công văn số 5132/UBCK-QLKD về việc chấp thuận Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.

- 30/09/2019: UBCKNN ban hành Quyết định số 762/QĐ-UBCK về việc chấp thuận Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư.

Năm 2022

- 08/02/2022: UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GPĐC-UBCK về việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng).
- 28/04/2022: UBCKNN ban hành quyết định số 230/QĐ-UBCK về việc chấp thuận Công ty được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
- 06/05/2022: UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 34/GPĐC-UBCK về việc bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- 20/05/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636115, đăng ký thay đổi lần thứ 1 để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- 31/05/2022: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đã ban hành quyết định số 61/QĐ-SGDVN về việc chấp thuận thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.

Năm 2024

- 19/12/2024: UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 95/GPĐC-UBCK về việc cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 25/12/2024: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636115, đăng ký thay đổi lần thứ 2 về việc cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Các sự kiện khác : Không có

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

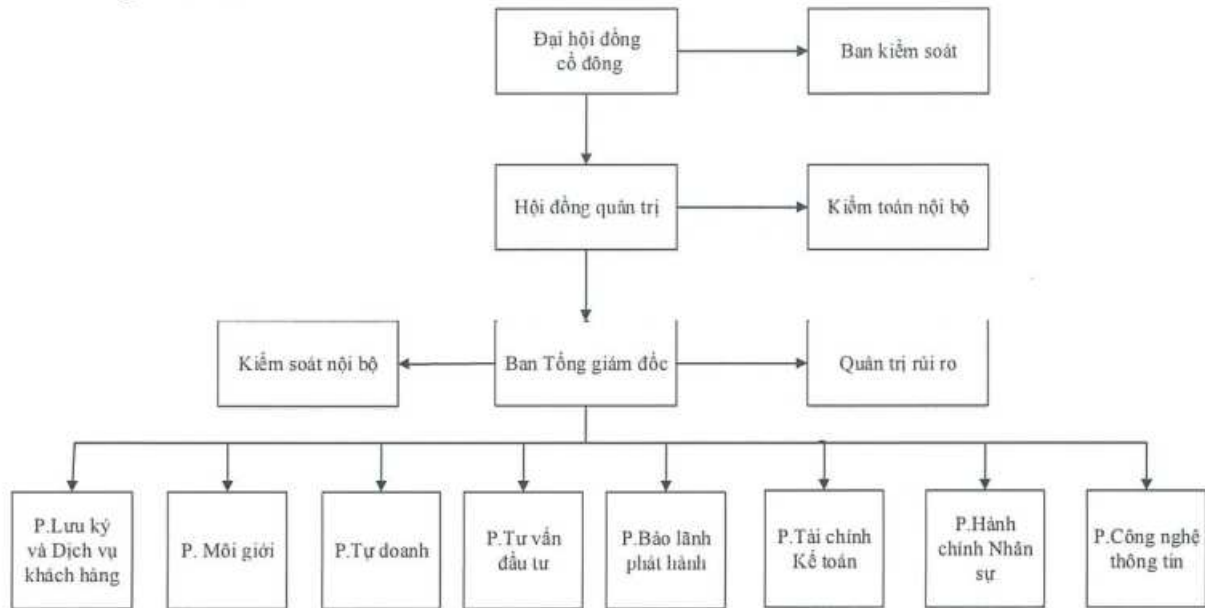
a. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Các dịch vụ khác được UBCKNN chấp thuận

b. Địa bàn kinh doanh: Tầng 5, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- a. Mô hình quản trị: hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.



- b. Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy kinh doanh của ECC bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm toán nội bộ
- Ban Tổng Giám đốc
- Phòng Kiểm soát nội bộ
- Phòng Quản trị rủi ro
- Phòng Lưu ký và Dịch vụ khách hàng
- Phòng Môi giới
- Phòng Tự doanh
- Phòng Tư vấn đầu tư
- Phòng Bảo lãnh phát hành
- Phòng Tài chính kế toán
- Phòng Hành chính nhân sự
- Phòng Công nghệ thông tin

- c. Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

4. Định hướng phát triển

- a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đưa Công ty vào danh sách Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, được khách hàng tin tưởng tại Việt Nam;
- Không ngừng nâng cấp, đổi mới; cung cấp đa dạng những sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
- Củng cố, nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, đào tạo nhân sự nhằm đẩy mạnh hoạt



động kinh doanh cũng như sự chuyên nghiệp của Công ty.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty xây dựng định hướng phát triển trung hạn và dài hạn đảm bảo phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty. Công ty đã có những hoạch định cụ thể như sau:

- Phát triển tập trung vào các dịch vụ như môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính. Đồng thời cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, mang lại hiệu quả cao;
- Duy trì hiệu quả hoạt động kiểm soát và quản trị rủi ro, chấp hành tuân thủ đúng các quy định của pháp luật,
- Thiết lập bộ máy tổ chức tập trung, tinh gọn, đa năng, với mục tiêu phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu Công ty và các bộ phận;
- Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, thích ứng với các nghiệp vụ phức tạp, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường;
- Xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nâng cao nghiệp vụ, có đạo đức kinh doanh và am hiểu thị trường.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Số lượng người lao động và mức lương trung bình của người lao động: tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty có tổng số người lao động là: 31 người

- Mức lương trung bình: chỉ số này là bảo mật

Chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Lao động nữ được hưởng đầy đủ chế độ thai sản theo đúng luật lao động.
- Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động vui chơi cho nhân viên, góp phần gắn kết các phòng ban cũng như gia đình nhân viên lại với nhau như tổ chức tiệc cuối năm, tạo điều kiện cho gia đình các nhân viên làm việc trong công ty có dịp gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ.
- Để đảm bảo môi trường làm việc của công ty nói chung và nhân viên Công ty nói riêng được an toàn, tòa nhà nơi có trụ sở làm việc của Công ty được trang bị thiết bị phòng chống cháy nổ và tập rượt phòng cháy chữa cháy theo đúng hướng dẫn của công an phòng cháy chữa cháy Quận và Thành phố.
- Môi trường cảnh quan văn phòng Công ty được đánh giá là một trong những địa điểm văn phòng đẹp tại Hà Nội. Văn phòng làm việc được bài trí đẹp mắt, tạo không khí làm việc thoải mái và sang tạo cho nhân viên.

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho người lao động; Chương trình đào tạo kỹ năng và đào tạo liên tục để hỗ trợ việc làm cho người lao động và phát triển sự nghiệp:

- Do đặc thù của công ty thuộc lĩnh vực tài chính nên ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao việc nhắc nhở người hành nghề chứng khoán phải tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nghiên cứu đầy đủ các chính sách, văn bản liên quan đến quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền.

- Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia các khóa học ngắn hạn để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, nâng cao bằng cấp nếu họ có nhu cầu.

5. Các rủi ro

- Rủi ro từ môi trường kinh doanh vĩ mô: những biến động các yếu tố vĩ mô như chính sách phát triển kinh tế vĩ mô, lạm phát, lãi suất, CPI, luật áp dụng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán... luôn tạo ra những rủi ro cho thị trường chứng khoán, các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán.

- Rủi ro thị trường là rủi ro là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

- Rủi ro cạnh tranh: hiện nay có gần 80 công ty chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên thị phần đều tập trung vào các công ty chứng khoán hàng đầu và có tên tuổi do đó Công ty cần đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ tài chính, chính sách thu hút khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Rủi ro từ hoạt động kinh doanh nội bộ của công ty: về chính sách phát triển, nhân sự, kế hoạch kinh doanh... trong chính nội bộ của Công ty. Nếu định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh không tốt sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển của Công ty trong tương lai.

- Rủi ro pháp lý bao gồm các rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng. Rủi ro pháp lý xảy ra từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, thiếu sót các điều khoản hoặc do các nguyên nhân khác.

Công ty ngăn chặn các rủi ro pháp lý bằng cách thiết lập các biện pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro bao gồm phổ biến, cập nhật các quy định của pháp luật mới đến toàn thể



nhân viên trong Công ty; tăng cường kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý đối với các hợp đồng, cam kết thỏa thuận với khách hàng...

- Rủi ro từ môi trường, thiên tai, dịch bệnh: các yếu tố rủi ro về thiên tai, biến đổi khí hậu, đã làm ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(%)
1	Doanh thu hoạt động + Doanh thu hoạt động tài chính	111.183.634.677	6.748.615.715	104.435.018.962	1.547,50
2	Chi phí hoạt động	99.630.615.607	2.549.695.747	97.080.919.860	3.807,55
3	Chi phí quản lý	3.411.616.777	3.105.866.274	305.750.503	9,84
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.123.934.432	1.093.053.694	7.030.880.738	643,23

Theo báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 thay đổi, tăng 643,23% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 8.123.934.432 đồng là do doanh thu cao hơn chi phí hoạt động và quản lý.

Một số chỉ tiêu trong năm 2024 chi tiết như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 là 111.183.634.677 đồng tăng 1.547,50% so với cùng kỳ năm ngoái là do đa phần doanh thu nghiệp vụ môi giới và đại lý phát hành chứng khoán tăng.
- Chi phí hoạt động năm 2024 là 99.630.615.607 đồng tăng 3.807,55% so với cùng kỳ năm ngoái do đa phần chi phí nghiệp vụ môi giới và đại lý phát hành chứng khoán tăng.
- Chi phí quản lý năm 2024 là 3.411.616.777 đồng tăng 9,84% so cùng kỳ năm ngoái là do đa phần chi phí lương tăng.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023
Tổng doanh thu	59.000.000.000	111.183.634.677	6.748.615.715
Tổng chi phí	48.000.000.000	103.059.700.245	5.655.562.021
Lợi nhuận trước thuế	11.000.000.000	8.123.934.432	1.093.053.694

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

- Tổng doanh thu của Công ty đạt 111.183.634.677 đồng, vượt so với kế hoạch năm 2024 đề ra và tăng so với tổng doanh thu thực tế của năm 2023.

- Tổng chi phí của Công ty là 103.059.700.245 đồng, vượt so với kế hoạch năm 2024 đề ra và tăng so với tổng chi phí thực tế của năm 2023.
- Công ty đang lãi 8.123.934.432 đồng, không đạt với kế hoạch năm 2024 đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

STT	Nội dung	Tóm tắt lý lịch tại ngày 31/12/2024	
		1	Họ và tên
2	Chức vụ	Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng
3	Ngày bổ nhiệm	13/11/2020	15/02/2019
4	Trình độ văn hóa	Cử nhân	Cử nhân
5	Kinh nghiệm	Có hơn 15 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán	Có 15 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
6	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	0 cổ phần	1.620.000 cổ phần
7	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0%	4,63%

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2024, Ban điều hành không có thay đổi về nhân sự.

c. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty có tổng số nhân viên là: 31 người.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng các chính sách về lao động theo quy định của pháp luật cho nhân viên. Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm cho người lao động.
- Chế độ làm việc: tuân thủ theo đúng chế độ giờ làm việc và ngày nghỉ theo quy định của Luật lao động hiện hành.
- Chính sách lương thưởng: hệ thống lương của Công ty xây dựng trên nguyên tắc công bằng, dựa trên cơ sở đánh giá trình độ, năng lực và hiệu quả trong công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn: không có
- b. Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

P. B
 CỘ
 CỘ
 IỬN
 URO
 KIẾ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	300.033.558.211	308.876.489.212	2,95
Doanh thu thuần	6.748.615.715	111.183.634.677	1.547,50
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.093.053.694	8.141.402.293	644,83
Lợi nhuận khác	0	(17.467.861)	
Lợi nhuận trước thuế	1.093.053.694	8.123.934.432	643,23
Lợi nhuận sau thuế	1.093.053.694	8.123.934.432	643,23
Lãi cơ bản trên cổ phần	31	232	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	603,48	178,53	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	603,48	178,53	Lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,003	0,006	Lần
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,003	0,006	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,022	0,360	Vòng
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	16,20	7,31	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,37	2,64	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,36	2,64	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	16,20	7,32	%

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a. Cổ phần:

STT	Nội dung	Tính đến ngày 31/12/2024
1	Tổng số cổ phần đã phát hành	35.000.000 cổ phần
2	Tổng số cổ phần đang lưu hành	35.000.000 cổ phần
3	Loại cổ phần đang lưu hành	cổ phần phổ thông
4	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	35.000.000 cổ phần
5	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Nội dung	Tính đến ngày 31/12/2024	
		Chi tiết	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	0%
		Cổ đông nhỏ	100%
2	Phân loại theo cơ cấu	Cổ đông tổ chức	0%
		Cổ đông cá nhân	100%
3	Phân loại theo địa bàn	Cổ đông trong nước	100%
		Cổ đông nước ngoài	0%
4	Phân theo nguồn vốn hình thành	Cổ đông nhà nước	0%
		Cổ đông khác	100%
5	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài		0%

- C.
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 EUROCAPITAL
 - T.T

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập đến nay

Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp	Ghi chú
25/01/2008		150			UBCKNN	Thành lập Công ty
16/04/2018	50	200	Chào bán riêng lẻ	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN	
08/02/2022	150	350	Chào bán cổ phiếu	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN	

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e. Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có
- Các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành: Không có

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty làm về lĩnh vực tài chính nên không phát thải khí nhà kính trực tiếp hay gián tiếp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty làm về lĩnh vực tài chính nên không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất hay đóng gói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện năng phục vụ chủ yếu chiếu sáng và sinh hoạt.

6.4. Tiêu thụ nước:

Công ty làm về lĩnh vực tài chính nên không sử dụng nước cho hoạt động kinh doanh.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty đảm bảo môi trường làm việc an toàn, đảm bảo sức khỏe cho nhân viên; tuyên truyền nhân viên thực hiện và giữ gìn không gian làm việc xanh, sạch, đẹp. Trong năm qua, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động: tính tại ngày 31/12/2024, Công ty có tổng số nhân viên là 31 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động: bảo mật

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên làm việc lâu năm. Công ty thực hiện đúng chính sách đối với người lao động theo đúng pháp luật.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Thời gian làm việc: làm việc 8 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ thứ 7 và chủ nhật. Khi có yêu cầu tiến độ công việc, nhân viên có thể làm thêm giờ và được hưởng chế độ theo quy định của Công ty. Người lao động được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo đúng quy định của Nhà nước.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 48 giờ/ nhân viên và 72 giờ/ quản lý
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị cho nhân viên làm việc, luôn cố gắng tạo điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất cho người lao động. Văn phòng làm việc luôn sạch sẽ, ngăn nắp, đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.

- Chính sách tuyển dụng: Công ty xây dựng môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp với chính sách đãi ngộ tốt, thu hút nhân sự có năng lực cũng như xây dựng tập thể vững mạnh. Người lao động được bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ chuyên môn, năng lực của bản thân. Công ty cũng chủ động sắp xếp lại nhân sự, điều chuyển và bố trí nhân sự phù hợp với mong muốn cá nhân cũng như nhu cầu công việc của Công ty.
- Công ty tổ chức những buổi học tập nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao (nếu có nhu cầu).

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn ý thức về việc đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và luôn cố gắng ủng hộ vào các hoạt động do địa phương phát động để phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Nội dung	Kế hoạch năm 2024 (đồng)	Thực hiện năm 2024 (đồng)	Tỷ lệ (%) (Thực hiện /Kế hoạch)
Tổng doanh thu	59.000.000.000	111.183.634.677	188,45%
Tổng chi phí	48.000.000.000	103.059.700.245	214,71%
Lợi nhuận trước thuế	11.000.000.000	8.123.934.432	73,85%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện đạt 188,45% so với kế hoạch trong khi đó chi phí tăng, đạt 214,71% so với kế hoạch dẫn đến lợi nhuận trước thuế không đạt so với dự tính, chỉ đạt 73,85% so với kế hoạch đề ra.

b. Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được:

- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thuận lợi cho việc phát triển mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp; xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật.
- Bộ máy tổ chức tập trung, tinh gọn, đa năng, hiệu quả với mục tiêu phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu Công ty và các bộ phận.
- Hội đồng quản trị luôn bám sát các hoạt động kinh doanh; đồng thời đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hệ thống văn bản, quy trình quy chế từng bước được hoàn thiện nhằm tăng cường tính minh bạch, quản trị rủi ro và hiệu quả trong điều hành hoạt động Công ty.



2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
 - + Khả năng thanh toán nhanh: 178,53 lần
 - + Khả năng thanh toán hiện hành: 178,53 lần
 - + Tài sản dài hạn/tổng tài sản: 0,015 lần
 - + Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản: 0,985 lần
 - + Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 0,006 lần
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 0,994 lần
 - + ROE: 2,64 %
 - + EPS: 232 đồng/CP
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo
 - + Tổng tài sản: 308,876 tỷ đồng
 - + Nợ phải trả: 1,704 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 307,172 tỷ đồng
- Biến động tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

T	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(%)
1	Tài sản ngắn hạn	304.336.263.878	294.324.922.306	10.011.341.572	3,40
2	Tài sản dài hạn	4.540.225.334	5.708.635.905	(1.168.410.571)	(20,47)
3	Tổng tài sản	308.876.489.212	300.033.558.211	8.842.931.001	2,95

- Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty là 308.876.489.212 đồng, tăng 2,95 % so với năm 2023. Trong đó:
 - Tài sản ngắn hạn là 304.336.263.878 đồng, tăng 3,40 % so với năm 2023 do tăng chủ yếu tiền.
 - Tài sản dài hạn là 4.540.225.334 đồng, giảm 20,47 % so với năm 2023 do giảm chủ yếu tài sản cố định.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Biến động về các khoản nợ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(%)
1	Nợ phải trả ngắn hạn	1.704.634.256	487.709.188	1.216.925.068	249,52
2	Nợ phải trả dài hạn	0	497.928.499	(497.928.499)	(100,00)

3	Tổng Nợ phải trả	1.704.634.256	985.637.687	718.996.569	72,95
---	------------------	---------------	-------------	-------------	-------

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 1.704.634.256 đồng, tăng 72,95 % so với năm 2023. Trong đó nợ phải trả chủ yếu là thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: trong năm 2024, Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải trả quá hạn, chênh lệch tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Trong năm 2024, Công ty đã đạt được tiến bộ trên nhiều phương diện:

- Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty đã xây dựng bộ máy tổ chức tập trung, tinh gọn, đa năng, hiệu quả; hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý của mình với đội ngũ quản lý và nhân viên có trình độ cao, đủ chứng chỉ và bằng cấp theo yêu cầu, đáp ứng đòi hỏi của lĩnh vực hoạt động.
- Các biện pháp kiểm soát: Công ty đã ban hành quy trình, quy chế, kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tất cả các quy định của Nhà nước và quy chế quản lý của Công ty đều được tuân thủ nghiêm ngặt với phương châm tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Đề bắt kịp xu hướng phát triển chung của thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, Công ty cũng cần nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh với các bước kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

- Đẩy mạnh nghiệp vụ môi giới: đưa ra các chương trình nhằm thu hút nhà đầu tư mở tài khoản; cải tiến hệ thống phần mềm hướng tới hệ thống giao dịch vận hành thông suốt, không bị ngã quãng ảnh hưởng tới giao dịch
- Tổ chức tham dự, học tập nghiên cứu các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, khả năng của cán bộ, nhân viên trong Công ty, giúp hoàn thiện tốt công việc hiện tại và trong tương lai.
- Chính sách phát triển: ban lãnh đạo đề cao trách nhiệm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để trao trọng trách. Sự đóng góp của nhân viên được khích lệ, động viên kịp thời và xứng đáng dưới hình thức vật chất và tinh thần. Các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn được truyền đạt đến từng nhân viên nhằm triển khai và phát huy tối đa hiệu quả của từng cá nhân và tập thể.
- Công ty tập trung phát triển mạnh mẽ mảng tư vấn, bằng cách tiếp tục triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống đồng thời chú trọng khai thác mảng tư vấn khác.
- Mở rộng các hình thức tiếp cận, marketing đến các khách hàng cá nhân, tổ chức tiềm năng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty hiện có.



- Nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch để phù hợp với những thay đổi từ Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán tạo điều kiện thuận lợi, tiện dụng nhất dành cho khách hàng khi giao dịch.
- Luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với tình hình.
- Công ty sẽ phát triển và giữ vững thị phần ở mức ổn định, hoạt động an toàn hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ và đa dạng hóa các dịch vụ.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có (vì ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về các chỉ tiêu môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy khả năng làm việc sáng tạo, cống hiến đồng thời tạo điều kiện để người lao động nâng cao trình độ chuyên môn và được hưởng phúc lợi của Công ty đầy đủ.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: cố gắng tham gia đầy đủ các chương trình địa phương phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2024, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty đã chú trọng ban hành quy chế, xây dựng một số quy trình nhằm tăng cường năng lực quản trị và nâng cao chất lượng phục vụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh trong việc thực hiện các qui định của pháp luật về lao động, môi trường, thuế; phối hợp cùng các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế hoạt động, Hội đồng quản trị (HĐQT) giao cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.
- Thông qua việc kiểm tra, giám sát báo cáo định kỳ, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro tốt như: tư vấn hiệu quả; quản lý tài sản của Nhà đầu tư tách bạch; không phát sinh nợ xấu; ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital đề ra những kế hoạch sẽ thực hiện trong năm 2025 như sau:

- Tập trung hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; phối hợp và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai, thực hiện những công việc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Tiếp tục bám sát tình hình hoạt động của Công ty và từ đó đưa ra các chiến lược phù hợp hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty; định hướng Công ty theo sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động kinh doanh chính ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Đặc biệt cùng Ban Tổng Giám đốc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh.
- Mục tiêu năm tới, Công ty sẽ tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động, tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc phát huy thế mạnh những sản phẩm, dịch vụ hiện có.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị đều là các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Trong năm 2024, Công ty không có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị (HĐQT). Thông tin về thành viên của HĐQT chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
					Ngày bổ nhiệm (*)	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Hà Thị Trang	-	0,0%	Chủ tịch	03/11/2022	
2	Ông Lê Văn Hiều	-	0,0%	Thành viên	03/11/2022	
3	Ông Nguyễn Ngọc Linh	1.715.000	4,9%	Thành viên	03/11/2022	

(*) Ngày bổ nhiệm tính từ ngày thành viên HĐQT được ĐHCĐ bầu cho nhiệm kỳ hiện tại, nhiệm kỳ hiện tại của các thành viên HĐQT Công ty là nhiệm kỳ 2022-2027

P. C. C. H. U. R. I. K. I. L.

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024, thù lao của các thành viên HĐQT được thực hiện theo đúng nội dung đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 và Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT ngày 23/04/2024 của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng, theo đúng pháp luật và Điều lệ quy định, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định.
- HĐQT đã chỉ đạo và theo sát ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành vào ngày 22/04/2024.
- Theo dõi, cập nhật tình hình tài chính, quản lý điều hành của Công ty thông qua các báo cáo từ ban Tổng Giám đốc. Thường xuyên trao đổi cùng ban Tổng Giám đốc, tăng cường công tác quản lý, tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh.
- HĐQT đã thực hiện tốt chế độ họp theo quy định, tham gia đầy đủ và theo yêu cầu về nâng cao tính quản trị đối với các hoạt động của Công ty. Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các phiên họp nhằm thông qua các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể:

STT	Số văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	Thông qua giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của người nội bộ	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	Quy định mức thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị năm 2024	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT	Thông qua chính sách rủi ro năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital	100%

- HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành tập trung rà soát đánh giá lại và xây dựng hệ thống giao dịch chứng khoán đảm bảo phòng ngừa và hạn chế tối đa rủi ro kinh doanh.
- HĐQT thường xuyên thảo luận và thống nhất các định hướng phát triển cho Công ty, chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy đảm bảo hiệu quả hoạt động, vì lợi ích của cổ đông, kiểm soát và hạn chế rủi ro, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT trực tiếp

chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty thường xuyên về các mặt hoạt động kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn của Công ty.

- HĐQT theo dõi và cập nhật thường xuyên tình hình hoạt động của Công ty thông qua việc trao đổi với Ban Tổng Giám đốc, đánh giá tính khả thi của các kế hoạch.
 - HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh, đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

- a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Tính đến ngày 31/12/2024, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ
1	Bà Hồ Thị Minh Hà	-	0,0%	Trưởng ban
2	Bà Trần Thị My	1.715.000 CP	4,9%	Thành viên
3	Ông Hoàng Đình Nguyên	-	0,0%	Thành viên

- b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2024, Công ty không có sự thay đổi về nhân sự trong Ban Kiểm soát
- Ban Kiểm soát không nhận thù lao theo đúng nội dung đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Tổ chức cuộc họp theo đúng quy định của pháp luật và tham gia đầy đủ. Thông qua cuộc họp Ban Kiểm soát đã đánh giá đầy đủ và toàn diện về tình hình hoạt động Công ty đồng thời đưa ra các kiến nghị cần thiết. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp cụ thể:

STT	Nội dung họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ thông qua
1	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024	100%	100%
2	Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát định kỳ năm 2024	100%	100%

- Thực hiện kiểm soát tình hình chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2024.
- Thực hiện giám sát HĐQT và ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.

// C
 GT
 HÁ
 KH
 APIT
 // T

- Kiến nghị HĐQT và ban điều hành các biện pháp tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám sát tuân thủ, bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả.
- Tiến hành kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh và của các nhân viên hành nghề chứng khoán.
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính; giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính và thực hiện các nội dung khác theo nhiệm vụ.
- Sau các đợt kiểm tra, Ban Kiểm soát đều đưa ra các kết luận đánh giá khách quan thực trạng và đưa ra các tồn tại cần khắc phục (nếu có).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo đúng nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 và Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT ngày 23/04/2024 của HĐQT.

Năm 2024, thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt: 540.000.000 đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong năm 2024, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của Công ty với người nội bộ.

c. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Cá nhân/ Tổ chức	Mối quan hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Bà Hà Thị Trang	Người nội bộ	Thu phí giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác: 4.386.251 đồng
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Người nội bộ	Thu phí giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác: 74.015.107 đồng Giao dịch mua chứng khoán: 28.637.130.000 đồng
Công ty TNHH Dịch vụ Thông tin kinh tế và Tài chính	Người có liên quan của người nội bộ	Thuê văn phòng, điếm đỗ xe: 0 đồng

- Giao dịch giữa các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị Công ty:

- Để thực hiện tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của mình, HĐQT thực hiện phân công phân nhiệm một cách rõ ràng đối với từng thành viên của HĐQT và Ban Tổng

Giám đốc theo hướng tuân thủ nghiêm túc quyết định của tập thể nhưng đề cao vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân. Việc chỉ đạo, điều hành được thực hiện thống nhất từ trên xuống dưới.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ tăng cường công tác kiểm toán và thể chế hóa các hoạt động nhằm quản trị rủi ro, nâng cao hoạt động của Công ty và củng cố niềm tin của khách hàng. Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm soát không chỉ là phát hiện và đề nghị khắc phục mà còn phải phân tích nguyên nhân, đề xuất biện pháp giải quyết thích hợp và triệt để.
- Ngoài ra Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật, chế độ kế toán của Công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam cùng các quy định khác của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Bản thuyết minh báo cáo tài chính áp dụng cho các Công ty chứng khoán phù hợp với chuẩn mực và theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (theo bản đính kèm ở dưới)

Nơi nhận:

- UBCK, VNX;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Hà Thị Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	15 - 39

G.P.
C
C
CHỦ
EUI
ÀN K

N:
H

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hà Thị Trang	Chủ tịch
Ông Lê Văn Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Sơn	Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hồ Thị Minh Hà	Trưởng ban
Bà Trần Thị My	Thành viên
Ông Hoàng Đình Nguyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Hà Thị Trang - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Hà Thị Trang

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/03/2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 4710-2023-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.336.263.878	294.324.922.306
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		304.105.772.095	294.082.907.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	304.062.916.871	294.040.108.505
Tiền	111.1		304.062.916.871	294.040.108.505
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	519.100	521.700
Trả trước cho người bán	118	8	37.800.000	38.500.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	4.536.124	3.776.968
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		230.491.783	242.015.133
Tạm ứng	131	9	1.178.802	1.314.326
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	135.336.803	146.723.636
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	12	5.000.000	5.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135	13	88.862.055	88.863.048
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	14	114.123	114.123
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.540.225.334	5.708.635.905
Tài sản cố định	220		4.034.791.842	5.235.542.685
Tài sản cố định hữu hình	221	15	877.376.585	1.468.739.501
- Nguyên giá	222		4.829.139.700	4.791.289.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(3.951.763.115)	(3.322.550.199)
Tài sản cố định vô hình	227	16	3.157.415.257	3.766.803.184
- Nguyên giá	228		5.980.640.000	5.980.640.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.823.224.743)	(2.213.836.816)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	17	241.447.500	241.447.500
Tài sản dài hạn khác	250		263.985.992	231.645.720
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	20.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	98.401.719	95.106.023
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	145.584.273	136.539.697
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.876.489.212	300.033.558.211

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.704.634.256	985.637.687
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.704.634.256	487.709.188
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	7.526.791	3.989.195
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	30.664.866	142.328.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	20	50.000.000	50.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	21	1.361.836.744	85.221.617
Phải trả người lao động	323		224.913.427	177.605.779
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	22	27.467.582	27.498.147
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	23	2.224.846	1.065.695
Nợ phải trả dài hạn	340		-	497.928.499
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351	24	-	497.928.499
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		307.171.854.956	299.047.920.524
Vốn chủ sở hữu	410		307.171.854.956	299.047.920.524
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	27.1	350.000.000.000	350.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		350.000.000.000	350.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		350.000.000.000	350.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		165.792.343	165.792.343
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.050.433.903	1.050.433.903
Lợi nhuận chưa phân phối	417	27.2	(44.044.371.290)	(52.168.305.722)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(44.042.363.290)	(52.166.300.322)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(2.008.000)	(2.005.400)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		308.876.489.212	300.033.558.211

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	28.1	85.500.000	85.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành	006	27.4	35.000.000	35.000.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	28.2	2.660.000	2.660.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	28.3	73.820.090.000	72.361.550.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		73.818.090.000	49.861.550.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	22.500.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		2.000.000	
Tiền gửi của khách hàng	026	28.4	182.417.175	705.573.446
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		182.417.175	268.813.446
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho Khách hàng	028		-	436.760.000
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		182.417.175	705.573.446
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	25	182.417.175	705.573.446

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Hà Thị Trang

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	32	4.410.335.340	156.000
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>33</i>	<i>1.286.187.140</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>30</i>	<i>3.124.148.200</i>	<i>156.000</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	32	14.342.465	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	32	2.602.587	7.469.702
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	34	35.796.393.981	97.451.557
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	34	68.975.000.000	1.700.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	34	52.511.422	124.114.898
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	34	1.197.928.499	3.342.519.111
Thu nhập hoạt động khác	11	34	8.224.533	6.436.173
Cộng doanh thu hoạt động			110.457.338.827	5.278.147.441
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		10.031.710.800	158.600
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>33</i>	<i>6.907.560.000</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>31</i>	<i>3.124.150.800</i>	<i>158.600</i>
Chi phí hoạt động tự doanh	26	35	1.209.648.966	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	35	37.243.736.975	2.425.528.834
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	35	50.994.444.445	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	35	151.074.421	124.008.313
Cộng chi phí hoạt động	40		99.630.615.607	2.549.695.747
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	36	726.295.850	1.470.468.274
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		726.295.850	1.470.468.274
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		8.141.402.293	1.093.053.694
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Chi phí khác	72	38	17.467.861	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(17.467.861)	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		8.123.934.432	1.093.053.694
Lợi nhuận đã thực hiện	91		8.123.937.032	1.093.051.094
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(2.600)	(2.600)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	39	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		8.123.934.432	1.093.053.694
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	40	232	31
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502	41	232	31

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Hà Thị Trang

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	8.123.934.432	1.093.053.694
Điều chỉnh cho các khoản	02	512.304.993	(215.961.849)
- Khấu hao TSCĐ	03	1.238.600.843	1.254.506.425
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(726.295.850)	(1.470.468.274)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	3.124.150.800	158.600
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	3.124.150.800	158.600
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(3.124.148.200)	(156.000)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(3.124.148.200)	(156.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	698.120.491	1.555.995.686
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	-	2.003.000.000
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	-	2.671.201
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(759.156)	12.888.850
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	(28.208.059)	16.718.243
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(30.565)	2.773
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	8.091.137	(95.555.413)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(111.663.889)	117.940.843
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.276.615.127	24.027.331
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	47.307.648	(25.950.789)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(493.231.752)	(499.747.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	9.334.362.516	2.433.090.131

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	(37.850.000)	-
- Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	726.295.850	1.470.468.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	688.445.850	1.470.468.274
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	10.022.808.366	3.903.558.405
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	294.040.108.505	290.136.550.100
- Tiền	101.1	294.040.108.505	290.136.550.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	304.062.916.871	294.040.108.505
- Tiền	103.1	304.062.916.871	294.040.108.505

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	96.563.238.550	48.970.610.750
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(74.800.279.900)	(23.493.846.350)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	60.230.839.937	17.031.317.178
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(82.471.643.426)	(42.098.549.993)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(45.311.432)	(21.327.133)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	87.465.170	18.053.800
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(87.465.170)	(18.053.800)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(523.156.271)	388.204.452
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	705.573.446	317.368.994
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	705.573.446	317.368.994
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	268.813.446	317.368.994
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	436.760.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	182.417.175	705.573.446
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	182.417.175	705.573.446
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	182.417.175	268.813.446
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	-	436.760.000

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Hà Thị Trang

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		
	TM	Tại 01/01/2023	Năm 2023		Năm 2024		
		VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
		VND	VND	VND	VND	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024
1. Biến động vốn chủ sở hữu	297.954.866.830	299.047.920.524	1.093.056.294	2.600	8.123.937.032	299.047.920.524	307.171.854.956
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	165.792.343	165.792.343	-	-	-	165.792.343	165.792.343
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(53.261.359.416)	(52.168.305.722)	1.093.056.294	2.600	8.123.937.032	(52.168.305.722)	(44.044.371.290)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(53.259.356.616)	(52.166.300.322)	1.093.056.294	-	8.123.937.032	(52.166.300.322)	(44.042.363.290)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.002.800)	(2.005.400)	-	2.600	-	(2.005.400)	(2.008.000)
Cộng	297.954.866.830	299.047.920.524	1.093.056.294	2.600	8.123.937.032	299.047.920.524	307.171.854.956

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Hà Thị Trang
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 80/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/01/2008 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 95/GPĐC- UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2024 về việc thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điều lệ hoạt động của Công ty, sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 06/05/2022.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Quy mô vốn

Tại ngày 31/12/2024 tổng vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng).

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư: Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 28 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hoạt động của công ty chứng khoán của Bộ Tài chính.

Cấu trúc Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ kinh doanh chứng khoán.

1.3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền, tiền gửi bù trừ và các thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý, Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng, Tiền gửi của tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay như dưới đây:

4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

a) **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

80
ĐN
P
NG
IOC
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)****4.2.1 NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)**

b) Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang nhóm: FVTPL, HTM.

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

e) Các khoản phải thu: Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

C. 2
TY
ÁN
HOÁ
ITAL
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2024.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Cuối năm tài chính, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán.

Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được Công ty thực hiện theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: Phần mềm vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm vi tính	03 - 15

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác: Chi phí dịch vụ, chi phí bảo trì, các phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ hoạt động. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Ngày 17/12/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2022 để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

80
ĐNC
Đ PI
NG I
OCA
EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu khác.

4.11 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí Công ty được phân loại theo chức năng như sau: Chi phí hoạt động, chi phí tài chính, chi phí quản lý và chi phí khác.

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

C. T.
TY
ÁN
HOÀI
ITAL
T. P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền	304.062.916.871	294.040.108.505
Tiền mặt tại quỹ	8.052.095	64.083.217
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	304.054.864.776	293.976.025.288
Cộng	304.062.916.871	294.040.108.505

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty chứng khoán	10.901.680	367.733.586.260
- Cổ phiếu	10.901.400	84.866.700.000
- Trái phiếu	280	282.866.886.260
Của Nhà đầu tư	21.154.033	170.929.338.450
- Cổ phiếu	21.154.033	170.929.338.450
Cộng	32.055.713	538.662.924.710

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	2.497.700	519.100	2.497.700	521.700
CTM	720.000	138.600	720.000	138.600
MCV	438.800	72.000	438.800	72.000
TAS	330.000	18.000	330.000	18.000
VSP	902.300	111.100	902.300	111.100
ICI	106.600	179.400	106.600	182.000
Cộng	2.497.700	519.100	2.497.700	521.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh,
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)**7.2. VỀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THEO NHÓM DO ĐÁNH GIÁ LẠI THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG HOẶC THEO GIÁ TRỊ GHI SỔ (ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÔNG CÓ GIÁ THỊ TRƯỜNG) CUỐI NĂM:**

Chi tiêu	31/12/2024						01/01/2024					
	Giá mua		Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại	
	VND	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	
Tài sản FVTPL	1	2	3=2-1	4=1-2	5=1+3-4	6	7	8=7-6	9=6-7	10=6+8-9		
Cổ phiếu	2.497.700	519.100	72.800	2.051.400	519.100	2.497.700	521.700	75.400	2.051.400	521.700		
CTM	2.497.700	519.100	72.800	2.051.400	519.100	2.497.700	521.700	75.400	2.051.400	521.700		
MCV	720.000	138.600	-	581.400	138.600	720.000	138.600	-	581.400	138.600		
TAS	438.800	72.000	-	366.800	72.000	438.800	72.000	-	366.800	72.000		
VSP	330.000	18.000	-	312.000	18.000	330.000	18.000	-	312.000	18.000		
ICI	902.300	111.100	-	791.200	111.100	902.300	111.100	-	791.200	111.100		
	106.600	179.400	72.800	-	179.400	106.600	182.000	75.400	-	182.000		
Cộng	2.497.700	519.100	72.800	2.051.400	519.100	2.497.700	521.700	75.400	2.051.400	521.700		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán	37.800.000	38.500.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	4.536.124	3.776.968
- Phải thu phí dịch vụ khác	4.536.124	3.776.968
Cộng	42.336.124	42.276.968

9. TẠM ỨNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nhân viên công ty	1.178.802	1.314.326
Cộng	1.178.802	1.314.326

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	135.336.803	146.723.636
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	67.021.787	77.962.281
- Chi phí khác	68.315.016	68.761.355
Chi phí trả trước dài hạn	98.401.719	95.106.023
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	98.401.719	95.106.023
Cộng	233.738.522	241.829.659

11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	17.369.740	10.123.524
Tiền lãi phân bổ hàng năm	8.214.533	6.416.173
Cộng	145.584.273	136.539.697

12. CÀM CÓ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ đặt cọc dịch vụ nhà mạng	5.000.000	5.000.000
Dài hạn	20.000.000	-
Ký quỹ đặt cọc dịch vụ cung cấp thông tin	20.000.000	-
Cộng	25.000.000	5.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	88.862.055	88.863.048
Cộng	88.862.055	88.863.048

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các loại thuế khác	114.123	114.123
Cộng	114.123	114.123

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	4.607.698.700	183.591.000	4.791.289.700
Mua trong năm	-	37.850.000	37.850.000
31/12/2024	4.607.698.700	221.441.000	4.829.139.700
HAO MÒN LUYỆN KẾ			
01/01/2024	(3.138.959.199)	(183.591.000)	(3.322.550.199)
Khấu hao trong năm	(628.413.861)	(799.055)	(629.212.916)
31/12/2024	(3.767.373.060)	(184.390.055)	(3.951.763.115)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	1.468.739.501	-	1.468.739.501
31/12/2024	840.325.640	37.050.945	877.376.585

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2024 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.411.818.000 đồng (tại 31/12/2023 là: 183.591.000 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	5.980.640.000	5.980.640.000
31/12/2024	<u>5.980.640.000</u>	<u>5.980.640.000</u>
HAO MÒN LUYỆN KẾ		
01/01/2024	(2.213.836.816)	(2.213.836.816)
Trích khấu hao trong năm	(609.387.927)	(609.387.927)
31/12/2024	<u>(2.823.224.743)</u>	<u>(2.823.224.743)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>3.766.803.184</u>	<u>3.766.803.184</u>
31/12/2024	<u>3.157.415.257</u>	<u>3.157.415.257</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình tại 31/12/2024 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 158.540.000 đồng (tại 31/12/2023 là 35.000.000 đồng).

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phần mềm hệ thống giao dịch trên thiết bị di động	241.447.500	241.447.500
Cộng	<u>241.447.500</u>	<u>241.447.500</u>

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Sở Giao dịch chứng khoán	5.078.304	1.727.946
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	2.448.487	2.261.249
Cộng	<u>7.526.791</u>	<u>3.989.195</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	15.070.000	15.070.000
Công ty TNHH Công Nghệ Cao Lotte HPT Việt Nam	-	122.535.000
Đối tượng khác	15.594.866	4.723.755
Cộng	<u>30.664.866</u>	<u>142.328.755</u>

C.T. TY AN HOA ITAL T.P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Tư Vấn Quản Lý Tài Sản Trần Hoàng	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.361.836.744	85.221.617
Cộng	1.361.836.744	85.221.617

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài khác	27.467.582	27.498.147
Cộng	27.467.582	27.498.147

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả khác	2.224.846	1.065.695
Cộng	2.224.846	1.065.695

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	497.928.499
Cộng	-	497.928.499

25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	182.417.175	705.573.446
Cộng	182.417.175	705.573.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	3.870	-
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	4.532.254	3.776.968
Cộng	4.536.124	3.776.968

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Cổ đông				
Các cổ đông cá nhân	350.000.000.000	100%	350.000.000.000	100%
Cộng	350.000.000.000	100%	350.000.000.000	100%

27.2 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	(44.042.363.290)	(52.166.300.322)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.008.000)	(2.005.400)
Cộng	(44.044.371.290)	(52.168.305.722)

27.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	350.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

27.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	35.000.000	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

27.5 CỔ PHIẾU LƯU HÀNH BÌNH QUÂN

	Năm 2024	Năm 2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	35.000.000	35.000.000
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000	35.000.000

28. THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

28.1 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khác	85.500.000	85.500.000
Cộng	85.500.000	85.500.000

28.2 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ phiếu chưa lưu ký tại VSD		
CTM	990.000	990.000
MCV	200.000	200.000
TAS	200.000	200.000
VSP	1.010.000	1.010.000
ICI	260.000	260.000
Cộng	2.660.000	2.660.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu

28.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	73.818.090.000	49.861.550.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.000.000	
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	22.500.000.000
Cộng	73.820.090.000	72.361.550.000

28.4 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	182.417.175	268.813.446
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	182.417.175	268.813.446
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	436.760.000
Cộng	182.417.175	705.573.446

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh,
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay
I	Loại FVTPL	2.497.700	519.100	1.978.600	1.976.000	2.600
1	Cổ phiếu	2.497.700	519.100,00	1.978.600	1.976.000	2.600
	CTM	720.000	138.600	581.400	581.400	-
	MCV	438.800	72.000	366.800	366.800	-
	TAS	330.000	18.000	312.000	312.000	-
	VSP	902.300	111.100	791.200	791.200	-
	ICI	106.600	179.400	(72.800)	(75.400)	2.600
	Cộng	2.497.700	519.100	1.978.600	1.976.000	2.600

30. CHÈNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Tài sản tài chính FVTPL	Năm 2024		Năm 2023	
	VND	VND	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.124.148.200	3.124.148.200	156.000	156.000
	3.124.148.200	3.124.148.200	156.000	156.000

31. CHÈNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Tài sản tài chính FVTPL	Năm 2024		Năm 2023	
	VND	VND	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.124.150.800	3.124.150.800	158.600	158.600
	3.124.150.800	3.124.150.800	158.600	158.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh,
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

32. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2024		Năm 2023	
	VND		VND	
a. Từ tài sản tài chính FVTPL	4.410.335.340		156.000	
b. Từ các khoản cho vay và phải thu	2.602.587		7.469.702	
c. Từ tài sản tài chính HTM	14.342.465		-	
Cộng	4.427.280.392		7.625.702	

33. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
		VND		VND		Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
- Cổ phiếu niêm yết	3.700.700	25.950.570.000	28.637.130.000	-	(2.686.560.000)	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.750.000	13.029.000.000	17.250.000.000	-	(4.221.000.000)	-	-	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	140	142.076.536.700	140.790.349.560	1.286.187.140	-	-	-	-	-
Cộng	5.450.840	181.056.106.700	186.677.479.560	1.286.187.140	(6.907.560.000)	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	35.796.393.981	97.451.557
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	52.511.422	124.114.898
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.197.928.499	3.342.519.111
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	68.975.000.000	1.700.000.000
Thu nhập hoạt động khác	8.224.533	6.436.173
Cộng	106.030.058.435	5.270.521.739

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	50.994.444.445	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	37.243.736.975	2.425.528.834
Chi phí hoạt động tự doanh	1.209.648.966	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	151.074.421	124.008.313
Cộng	89.598.904.807	2.549.537.147

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	726.295.850	1.470.468.274
Cộng	726.295.850	1.470.468.274

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.637.434.834	2.415.621.742
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	195.306.000	176.429.000
Chi phí vật tư văn phòng	7.105.800	3.946.155
Chi phí công cụ, dụng cụ	138.956.366	95.673.942
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.099.059	29.757.073
Chi phí thuế, phí và lệ phí	77.822.113	83.190.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.267.810	255.993.673
Chi phí khác	72.624.795	45.254.538
Cộng	3.411.616.777	3.105.866.274



38. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác	17.467.861	-
Cộng	17.467.861	-

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.123.934.432	1.093.053.694
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.141.618.661	158.600
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	3.124.150.800	158.600
Chi phí không được trừ	17.467.861	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.124.148.200	156.000
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	3.124.148.200	156.000
Tổng thu nhập chịu thuế	8.141.404.893	1.093.056.294
Lỗi các năm trước chuyển sang	(8.141.404.893)	(1.093.056.294)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.123.934.432	1.093.053.694
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	232	31

41. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/CP)	232	31

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng pha loãng trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan của Công ty

Tại ngày 31/12/2024, các khoản phải thu/(phải trả) với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Thành viên Hội đồng quản trị	Bên liên quan	Giao dịch mua chứng khoán, doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thông tin kinh tế và Tài chính	Bên liên quan	Thuê văn phòng, điếm đỗ xe	-

Bên liên quan	Chức vụ	Nghiệp vụ	Phải thu/phải trả			31/12/2024 VND
			01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	
Bà Hà Thị Trang	Chủ tịch HĐQT	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	4.386.251	4.386.251	-
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên HĐQT		-	74.015.107	74.015.107	-
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	Giao dịch mua chứng khoán	-	28.637.130.000	28.637.130.000	-
Tổng cộng			-	28.715.531.358	28.715.531.358	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	540.000.000	523.335.811
Cộng	540.000.000	523.335.811

43. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn và cho vay, đại lý phát hành chứng khoán và các hoạt động khác. Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

43. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Lĩnh vực kinh doanh (Tiếp)

	Môi giới chứng khoán	Tư vấn và cho vay	Đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay					
Doanh thu hoạt động và thu nhập khác	35.796.393.981	1.200.531.086	68.975.000.000	5.211.709.610	111.183.634.677
Chi phí trực tiếp	37.243.736.975	-	50.994.444.445	11.409.902.048	99.648.083.468
Các chi phí phân bổ	1.098.395.268	36.837.724	2.116.464.962	159.918.823	3.411.616.777
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(2.545.738.262)	1.163.693.362	15.864.090.593	(6.358.111.261)	8.123.934.432
Chi phí Thuế TNDN	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	(2.545.738.262)	1.163.693.362	15.864.090.593	(6.358.111.261)	8.123.934.432

44. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét tổng nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

44. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)***Độ nhạy lãi suất*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phần

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

44. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31/12/2024:

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 đến 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	304.062.916.871	-	-	304.062.916.871
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	4.536.124	-	4.536.124
Cộng	-	304.062.916.871	4.536.124	-	304.067.452.995
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	7.526.791	-	7.526.791
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	30.664.866	-	30.664.866
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	1.361.836.744	-	1.361.836.744
Phải trả người lao động	-	-	224.913.427	-	224.913.427
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	-	-	2.224.846	-	2.224.846
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	27.467.582	-	27.467.582
Cộng	-	-	1.654.634.256	-	1.654.634.256
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	304.062.916.871	(1.650.098.132)	-	302.412.818.739

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng



Hà Thị Trang
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025